TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trợ Tâm.

2. Bà Đinh Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Đình H, sinh năm: 1986. "Có đơn xin xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: Xóm T, thôn Q, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Chị Kiều Thị T, sinh năm: 1987. "Có mặt".

Địa chỉ: Đội 8, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2018, bản trình bày ngày 11/12/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Dương Đình H trình bày:

Anh Dương Đình H và chị Kiều Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện P, tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian tại tỉnh Thái Nguyên thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do sự khác biệt về văn hóa cũng như sinh hoạt vùng miền nên vợ chồng không tìm được điểm tương đồng trong cuộc sống hôn nhân. Đến khoảng tháng 4 năm 2009, vợ chồng cải vã, chị T trở về nhà mẹ đẻ tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống cho đến nay. Anh H đã khuyên răn nhưng chị T không trở về sinh sống cùng nhau. Anh H và chị T ly thân từ tháng 4 năm 2009 cho đến nay. Tại thời điểm chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, chị T đang mang thai 2 tháng. Sau đó, chị T sinh ra con và đặt tên là Kiều Dương Q. Vì lý do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nên chị T không khai sinh con theo họ của anh H. Nay, anh H yêu cầu ly hôn chị Kiều Thị T.

Về con chung: Có 1 con chung tên Kiều Dương Q, sinh ngày 12/11/2009, hiện nay cháu Q đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh H yêu cầu giao cháu Q cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Chị Kiều Thị T không trình bày, không tham gia hoà giải, tại phiên phiên tòa chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất việc kết hôn, quá trình chung sống cùng nhau và việc vợ chồng ly thân. Nguyên nhân để chị không thể cùng nhau chung sống với anh H là vì cách sống của gia đình anh H quá khác biệt, chị không hòa hợp được. Trong khi đó, anh H không chia sẽ thông cảm với chị. Vì vậy, sau thời gian ngắn chung sống cùng nhau, chị đã trở về sinh sống với gia đình. Nay, anh H yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý.

Về con chung: Sau khi đám cưới, chị có thai với anh H. Sau khi về nhà cha mẹ đẻ sinh sống, chị sinh con. Do đăng ký kết hôn với anh H tại xã X, huyện P, tỉnh T khi đi về chị không mang theo giấy kết hôn vì vậy khi làm thủ tục khai sinh cho con chị phải lấy họ của chị. Chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị thống nhất với lời khai của anh H, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 12 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện:

Sau khi kết hôn, chị T sinh sống với anh H tại Thái Nguyên được 4 tháng, sau đó chị T trở về lại xã N, huyện T, tỉnh Q sinh sống. Vào năm 2011, anh H có về xã N, huyện T để thăm con, sau đó giữa anh H và gia đình chị T có xảy ra xô xát. Từ đó đến nay, anh H không về thăm nom cháu Q.

Tại bản tự khai ngày 18/12/2018, cháu Kiều Dương Q trình bày: Cháu Q

là con của chị Kiều Thị T và anh Dương Đình H, khi anh H và chị T ly hôn cháu Q có nguyện vọng được ở với chị T.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Dương Đình H ly hôn với chị Kiều Thị T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Kiều Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, trông nom và nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Dương Đình H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Đình H và chị Kiều Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã X,

huyện P, tỉnh T và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về căn cứ cho ly hôn: Trong quá trình chung sống anh H và chị T bất đồng về cách ứng xử, không hoà hợp trong nhận thức, tình cảm; sự khác biệt về văn hoá vùng miền nên chị T bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã N sinh sống từ năm 2009. Anh H và chị T hiện không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, phần ai nấy sống, không thể hiện được sự yêu thương, chăm sóc và cùng nhau chia sẻ công việc, không cùng nhau thực hiện xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để hai vợ chồng anh H và chị T hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không tiến hành hoà giải được vì chị T vắng mặt. Những tình tiết nêu trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh H và chị T là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đính hôn nhân giữa anh H và chị T không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, anh H được ly hôn với chị T.

[3.2] Về con chung: Anh H và chị T thống nhất có con chung tên là Kiều Dương Q, sinh ngày 12/11/2009. Anh H, chị T cũng thống nhất giao con chung cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Q có nguyện vọng được ở với chị T và hiện tại đang học lớp 4 tại trường tiểu học xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt cũng như các điều kiện sinh hoạt, học tập để cho việc phát triển của cháu Q. Hội đồng xét xử nhận định giao cháu Kiều Dương Q, sinh ngày 12/11/2009 cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyên vọng của anh H, chị T. Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm, chăm sóc con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Dương Đình H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) được qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Đình H được ly hôn với chị Kiều Thị T.

2. Về việc trực tiếp nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Kiều Dương Q, sinh ngày 12/11/2009 cho chị Kiều Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.3. Anh Dương Đình H không cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Dương Đình H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001337 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Anh Dương Đình H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Chị Kiều Thị T có quyền kháng cáo bản bán trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/02/2019).

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chị cục THADS huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa